

Số: 05 /2017/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 02 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN, TP.HCM);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- VP. TU, các Ban đảng;
- VP. Đoàn ĐBQH;
- VP. HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn

QUY ĐỊNH

**Lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố
tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm
2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi tắt là UBND tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động về kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng xăng, dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh bao gồm các cảng, cơ sở, dự án (sau đây gọi chung là cơ sở).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh có hoạt động về kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng xăng, dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ 20 tấn trở lên (trừ các cơ sở, dự án quy định tại Khoản 5, 6, 7, 8 Điều 7 Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền (dưới 20 tấn) đóng trên địa bàn cấp huyện.

Điều 4. Lập, trình thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Cơ sở có nguy cơ gây sự cố tràn dầu phải lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở đã được phê duyệt phải được cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi về rủi ro gây tràn dầu hoặc tổ chức nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 5. Nội dung cơ bản của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở cần phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về nội dung như sau:

a) Mô tả thông tin chung về cơ sở và những hoạt động liên quan đến dầu và các sản phẩm của dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu;

b) Đánh giá rủi ro nguồn dầu tràn, khả năng tác động, phạm vi ảnh hưởng trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu;

c) Nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu: lực lượng, trang thiết bị ứng phó; phương án phối hợp với các đơn vị xung quanh hoặc hợp đồng thuê dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu;

d) Quy trình triển khai ứng phó: xử lý thông tin, báo cáo, thông báo; tổ chức triển khai các phương án ứng phó; hoạt động khắc phục và giải quyết hậu quả sau sự cố tràn dầu;

2. Đề cương hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo Mẫu số 2a, 2b và Mẫu số 3a, 3b kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Cơ quan thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh tiếp nhận, chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt đối với hoạt động của các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp UBND cấp huyện thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trước khi trình UBND cấp huyện phê duyệt đối với hoạt động của các cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội dung và tổ chức thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở thông qua Hội đồng thẩm định.

c) Bước 3. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Trường hợp không phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Bước 4. Thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ trình thẩm định:

- Văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính, Mẫu số 01);
- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (11 bản chính, Mẫu số 2a, 2b);
- Hồ sơ pháp nhân: quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư (01 bản sao);
- Quyết định thành lập Ban chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở, kèm theo danh sách (01 bản chính-nếu có);
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/đề án bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường (01 Bản sao).

b) Hồ sơ trình phê duyệt:

Chủ cơ sở hoàn chỉnh nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo kết luận của Hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ hoàn chỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường như sau:

- 01 (một) văn bản giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung.
- 05 (năm) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.
- 01 (một) đĩa CD chứa nội dung toàn bộ kế hoạch.

3. Thời hạn thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: không quá bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

a) Thời hạn thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường phải có văn bản thông báo cho chủ cơ sở để bổ sung.

Trong thời hạn quy định này cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở về kết quả thẩm định. Thời gian chủ cơ sở chỉnh sửa hoàn thiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định không tính vào thời gian thẩm định.

b) Thời hạn phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận được hồ sơ chỉnh sửa hoàn chỉnh của chủ cơ sở.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt do chủ cơ sở gửi đến, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc cơ quan thẩm định có trách nhiệm trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Thời hạn UBND tỉnh xem xét, phê duyệt không quá 10 ngày làm việc. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn.

Điều 8. Trình tự, thủ tục, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

b) Bước 2. Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội dung, thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

c) Bước 3. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện xem xét, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Trong trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

d) Bước 4. Thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ trình thẩm định một bộ bao gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính, Mẫu số 1);
- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (05 bản chính, Mẫu số 3a, 3b);
- Hồ sơ pháp nhân: quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư (01 bản sao công chứng/chứng thực);
- Quyết định thành lập Ban chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở, kèm theo danh sách (01 bản chính) (nếu có);
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/đề án bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc thông báo chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở (01 bản sao).

b) Hồ sơ trình phê duyệt:

Chủ cơ sở hoàn chỉnh nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi hồ sơ hoàn chỉnh về Phòng Tài nguyên và Môi trường như sau:

- 01 (một) văn bản giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa (nếu có).
- 05 (năm) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã chỉnh sửa.
- 01 (một) đĩa CD chứa nội dung toàn bộ Kế hoạch.

3. Thời hạn thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: không quá bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

a) Thời hạn thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường phải có văn bản thông báo cho chủ cơ sở để bổ sung.

Trong thời hạn quy định này cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở về kết quả thẩm định. Thời gian chủ cơ sở chỉnh sửa hoàn thiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo yêu cầu không tính vào thời gian thẩm định.

b) Thời hạn phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận được hồ sơ chỉnh sửa hoàn chỉnh của chủ cơ sở.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt do chủ cơ sở gửi đến, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình UBND huyện xem xét, phê duyệt.

Thời hạn UBND huyện xem xét, phê duyệt không quá 10 ngày làm việc. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn.

Điều 9. Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong trường hợp cần thiết có thể có thêm 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các phần việc liên quan.

- Các thành viên:

+ Đại diện các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ; các cơ quan quản lý liên quan;

+ Đại diện Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động.

- Thư ký Hội đồng: Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường.

Tùy theo mức độ, tính chất, quy mô của từng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, Hội đồng thẩm định có thể mời thêm các thành phần là các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực dầu khí, hàng hải, môi trường, phòng cháy chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn hoặc Lãnh đạo Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam tham gia Hội đồng thẩm định.

Điều 10. Phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định

1. Điều kiện tiến hành phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định:

a) Có sự tham gia (có mặt tại phiên họp) từ hai phần ba (2/3) trở lên số lượng thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó bắt buộc phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền (sau đây gọi chung là người chủ trì phiên họp), Thư ký và ít nhất một (01) Ủy viên phản biện.

b) Có sự tham gia của chủ cơ sở hoặc người được chủ cơ sở ủy quyền tham dự.

2. Nguyên tắc đưa ra kết quả thẩm định:

Thành viên Hội đồng thẩm định thảo luận về nội dung của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và những vấn đề khác có liên quan đến nội dung Kế hoạch. Người chủ trì phiên họp đưa ra kết luận của Hội đồng thẩm định nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo 01 (một) trong 03 (ba) mức như sau:

a) Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: khi tất cả thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp nhất trí thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

b) Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó bắt buộc phải có ít nhất một (01) Ủy viên phản biện đồng ý thông qua hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung;

c) Không thông qua: khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng tham dự không thông qua hoặc cả hai (02) Ủy viên phản biện không thông qua.

3. Biên bản cuộc họp phải được Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thẩm định ký.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ngành liên quan, Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và xử lý hoặc đề nghị xử lý đối với các cơ sở vi phạm theo quy định;

c) Phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định này trên phạm vi toàn tỉnh; Phối hợp tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để chủ động phòng tránh, ứng phó;

d) Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;

đ) Hướng dẫn và tham gia thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

e) Báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn định kỳ 01 lần/năm, trước ngày 30 tháng 01 của năm kế tiếp.

g) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan, thực hiện công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định; tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

a) Triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi ngành quản lý.

b) Tham gia Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở theo phân cấp thẩm quyền tại Quy định này; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương kiểm tra, đôn đốc chủ cơ sở xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nhằm ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra sự cố tràn dầu.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này trên địa bàn cấp huyện; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở tại địa phương.

2. Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức việc ứng phó và báo cáo kịp thời sự cố tràn dầu xảy ra trên địa bàn cấp huyện quản lý;

3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh.

4. Định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Quy định này của địa phương gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở

1. Cơ sở phải xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả sau khi được phê duyệt; sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy thống nhất của cơ quan có thẩm quyền.

2. Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó (khi có thông báo).

3. Có phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tự ứng phó của cơ sở theo quy định; trong trường hợp cơ sở chưa đủ khả năng tự ứng phó phải ký kết thoả thuận, hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ quan, đơn vị thích hợp để triển khai khi có tình huống.

4. Chủ động triển khai các hoạt động ứng phó, huy động nguồn lực ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố tràn dầu.

5. Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư xây dựng như thay đổi quy mô đầu tư, thay đổi thiết kế dẫn đến thay đổi nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt, chủ cơ sở phải báo cáo cơ quan đã phê duyệt Kế hoạch và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải được lưu trữ tại cơ sở.

7. Kịp thời báo cáo sự cố tràn dầu xảy ra; Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt UBND tỉnh) hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt UBND cấp huyện) định kỳ 02 lần/năm, trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./. *nd*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn